

Bản án số: 186/2025/HS-PT

Ngày: 14/03/2025

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI HÀ NỘI**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Việt Hà

Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Vũ Đông

Ông Đặng Đình Lực.

- Thư ký phiên tòa: Bà Đặng Thị Xuân Thành, Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội tham gia phiên tòa:
Bà Trần Thị Ngọc, Kiểm sát viên.

Ngày 14 tháng 3 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Ninh, Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự phúc thẩm thụ lý số 22/2025/TLPT-HS ngày 08 tháng 01 năm 2025 đối với bị cáo Ngô Văn H. Do có kháng cáo của bị hại và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, đối với Bản án hình sự sơ thẩm số 123/2024/HS-ST ngày 13 tháng 11 năm 2024 của Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Ninh.

1. Bị cáo bị kháng cáo:

Ngô Văn H, sinh năm 1988, tại thị xã Q, tỉnh Quảng Ninh; nơi đăng ký HKTT và chỗ ở: Khu B, phường P, thị xã Q, tỉnh Quảng Ninh; giới tính: Nam; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; trình độ học vấn: Lớp 12/12; nghề nghiệp: Lao động tự do; con ông Ngô Đình L (đã chết) và bà Lê Thị H1 sinh năm 1960; có vợ là Đỗ Thị L1 và có 03 con, con lớn nhất sinh năm 2008, con nhỏ nhất sinh năm 2017; tiền án, tiền sự: Không; bị bắt tạm giam ngày 12/4/2023; có mặt.

2. Người bào chữa cho bị cáo do Tòa án chỉ định: Luật sư Nguyễn Thị Trà M - Công ty L3, thuộc Đoàn luật sư tỉnh Q; có mặt.

3. Bị hại có kháng cáo: Chị Nguyễn Thị Bích D, sinh năm 1997; địa chỉ: khu B phường N, Q, Quảng Ninh; vắng mặt.

Người đại diện theo ủy quyền của chị D: Ông Nguyễn Văn Đ (bố chị D); có mặt.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho ông Nguyễn Văn Đ và chị Nguyễn Thị Bích D: Luật sư Bùi Quang T và Luật sư Lưu Văn Q - Văn phòng L4 - Chi nhánh miền B, thuộc Đoàn Luật sư thành phố H; đều có mặt.

4. Các bị hại không kháng cáo, được Tòa án triệu tập:

- Bà Đỗ Thị S, sinh năm 1954; địa chỉ: Thôn C, xã T, thị xã Q, tỉnh Quảng Ninh; vắng mặt.

Người đại diện theo ủy quyền bà S: Ông Nguyễn Chí T1, sinh năm 1958; cư trú: Tổ A, khu D Phường B, thành phố H, tỉnh Quảng Ninh; vắng mặt.

- Anh Nguyễn Văn H2, sinh năm 1988; địa chỉ: Tổ F khu E Phường C, thành phố H, tỉnh Quảng Ninh; vắng mặt.

- Bà Nguyễn Thị Y, sinh năm 1965; địa chỉ: Khu Đ, phường C, thị xã Q, tỉnh Quảng Ninh; vắng mặt.

5. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan kháng cáo: Ông Nguyễn Văn Đ, sinh năm 1975; địa chỉ: Khu B, phường N, thị xã Q, tỉnh Quảng Ninh; có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Trong khoảng thời gian năm 2022, do cần tiền chi tiêu cá nhân và trả nợ, Ngô Văn H đã đưa ra thông tin không đúng sự thật để một số người tin là thật đưa tiền và giấy tờ liên quan nhờ H làm các thủ tục nhận thừa kế quyền sử dụng đất, chuyển đổi mục đích sử dụng đất, tách thửa đất, sau đó H đã không làm những việc mà mọi người nhờ và chiếm đoạt tiền của họ. H còn lợi dụng ủy quyền của người khác nói dối để bán thửa đất không thuộc quyền sử dụng của H chiếm đoạt tiền của người mua, cụ thể như sau:

Vụ thứ nhất: Chiếm đoạt 90.000.000đ của bà Đỗ Thị S.

Bà Đỗ Thị S có 01 thửa đất trồng cây lâu năm diện tích 436 m² mang tên bà S (thửa đất số 529, tờ bản đồ số 41- gọi là thửa đất số 529,) và 01 thửa đất ở diện tích 300 m² (thửa đất số 320, tờ bản đồ số P27) mang tên ông Vũ Văn K (chồng bà S, ông K đã chết và không để lại di chúc), 02 thửa đất này nằm sát cạnh nhau tại địa chỉ thôn C, xã T, thị xã Q. Khoảng tháng 3/2022, do có quen biết với Ngô Văn H nên bà S đã nhờ H làm các thủ tục để bà S nhận thừa kế quyền sử dụng thửa đất mang tên ông K và chuyển đổi mục đích thửa đất số 529 trồng cây lâu năm mang tên bà S sang đất ở, H đồng ý. Đầu tháng 4/2022, bà S cùng H và ông ông Nguyễn Thanh G là cán bộ tư pháp xã T, thị xã Q đến nhà bà Bùi Thị C (Sinh năm 1924) là mẹ đẻ của ông K để làm thủ tục từ chối quyền thừa kế thửa đất mang tên ông K để chuyển sang tên cho bà S, nhưng bà C không đồng ý ký từ chối quyền thừa kế. Sau đó H đến gặp chị Bùi Thị Phương L2 là cán bộ địa chính xã T, hỏi về thủ tục chuyển đổi thửa đất của ông K thì chị L2 nói với H nếu bà C không đồng ý từ chối quyền thừa kế thì không thể sang tên thửa đất này cho bà S được. Mặc dù biết rõ không thể làm hồ sơ để bà S được nhận thừa kế thửa đất của ông K, nhưng H vẫn nói dối bà S là H có nhiều mối quan hệ quen biết với những người có chức vụ, quyền hạn, có thể làm được cho bà S nhận thừa kế quyền sử dụng thửa đất của ông K mà không cần bà C ký từ chối quyền thừa kế và yêu cầu bà S đưa cho H 40.000.000đ, để H làm các thủ tục thừa kế. Do tin tưởng, nên bà S đã đưa cho H 40.000.000đ. Đến khoảng giữa tháng 4/2022 (cách ngày nhận 40

triệu của bà S khoảng 10 ngày) H lại đến nhà bà S yêu cầu bà S đưa cho H 50.000.000đ, để H làm thủ tục chuyển đổi mục đích sử dụng thửa đất số 529 mang tên bà S. Do tin tưởng là thật, nên bà S đã đưa 50.000.000đ cho H. Sau khi nhận được tiền của bà S, H đã chiếm đoạt chi tiêu cá nhân và trả nợ hết, không làm thủ tục gì cho bà S.

Vụ thứ hai: Chiếm đoạt 500.000.000đ của chị Nguyễn Thị Bích D.

Do biết bà S đang cần tiền cho con gái, nên H bảo bà S làm hợp đồng ủy quyền thửa đất mang tên bà S cho H để H thay mặt bà S làm thủ tục chuyển đổi mục đích sử dụng đất và thế chấp ngân hàng vay tiền cho bà S, bà S đồng ý. Ngày 04/5/2022, H đến nhà bà S chở bà S đến Văn phòng C1, tại phường Y, Q ký vào hợp đồng ủy quyền. Nội dung hợp đồng ủy quyền có ghi: Bà S ủy quyền cho H thay bà S: Quản lý, sử dụng, chuyển nhượng thửa đất có “Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất” số CS 115622, thửa đất số 529, diện tích 436m², tờ bản đồ số 41 tại địa chỉ thôn C xã T, thị xã Q (đất trồng cây lâu năm mang tên bà Đỗ Thị S) nhưng thực chất mục đích ủy quyền là để H thay bà S làm thủ tục chuyển đổi mục đích sử dụng và thế chấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng thửa đất số 529 vay tiền Ngân hàng cho bà S, chứ không phải ủy quyền để chuyển nhượng (bán) thửa đất này.

Sau khi có được Hợp đồng ủy quyền, H không thực hiện việc làm thủ tục chuyển đổi mục đích sử dụng và thế chấp Ngân hàng vay tiền cho bà S như thỏa thuận. Do cần tiền chi tiêu cá nhân, nên H đã lợi dụng nội dung ủy quyền của bà S. Thông qua ông Đ (bố chị D). H đã mang giấy chứng nhận quyền sử dụng thửa đất 529 kèm theo hợp đồng ủy quyền đến bán thửa đất số 529 cho chị D. Thủ tục ký hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất làm tại văn phòng C2. Khi thỏa thuận mua bán thửa đất với chị D, ông Đ. H không nói cho ông Đ, chị D biết thửa đất trên bà S chỉ ủy Quyền cho H mang đi làm thủ tục chuyển đổi mục đích sử dụng và thế chấp vay tiền Ngân hàng. H nói dối ông Đ, chị D thửa đất trên là của bà cô ủy quyền cho H mang đi bán. Ông Đ, chị D tin tưởng là thật, chỉ yêu cầu H dẫn đi xem thửa đất, cũng không yêu cầu gặp bà S để thỏa thuận và làm hợp đồng chuyển nhượng trực tiếp với bà S. Sau khi H ký hợp đồng chuyển nhượng thửa đất số 529 với chị D, thì ông Đ đã chuyển 02 lần tiền vào tài khoản ngân hàng của H tổng cộng là 480.000.000đồng và 02 lần đưa tiền mặt tổng cộng 20.000.000đ cho H (vào các ngày 05/5/2022 và ngày 10/5/2022), số tiền này là của chị D chuyển cho ông Đ để giao cho H. Tổng cộng H đã chiếm đoạt của chị D 500.000.000đ.

Vụ thứ ba: Chiếm đoạt 210.000.000đ của anh Nguyễn Văn H2 và 120.000.000đ của bà Nguyễn Thị Y:

Khoảng tháng 11/2021, thông qua người quen giới thiệu anh Nguyễn Văn H2 có gặp và nhờ Ngô văn H làm hộ thủ tục sang tên quyền sử dụng đất từ ông bà nội anh H2 sang cho bà Nguyễn Thị Y (là cô ruột anh H2), (ông bà nội anh H2 đã chết không để lại di chúc, bà Y là người nhận di sản thừa kế). Thửa đất có

“Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất...” mang tên hộ ông Nguyễn Văn V (ông nội anh H2) số thửa 173, số tờ bản đồ 32, diện tích đất 715m² (trong đó có 300m² đất ở, 415 đất vườn) tại địa chỉ: Xóm Đ, xã C, thị xã Q. H đồng ý, anh H2 và H thỏa thuận trọn gói tiền công H làm và các chi phí, lệ phí phải nộp theo quy định tổng cộng là 30.000.000đ. Sau khi H đã làm hoàn thiện các giấy tờ để bà Y nhận quyền thừa kế, ngày 12/5/2022 và ngày 25/5/2022 anh H2 đã chuyển vào tài khoản ngân hàng của H 2 lần tổng cộng 30.000.000đ. Trong khi chờ hoàn thiện sang tên Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất từ ông V sang cho bà Y, H biết anh H2 và bà Y có nhu cầu chuyển đổi mục đích sử dụng từ đất vườn sang đất ở và tách thửa đất từ bà Y sang cho anh H2. Do cần tiền chi tiêu cá nhân và trả nợ, nên H đã nói dối là sẽ giúp anh H2 và bà Y tách thửa đất và chuyển đổi mục đích sử dụng từ đất vườn sang đất ở không lấy tiền công, nhưng anh H2 và bà Y phải đưa tiền cho H để nộp thuế tách thửa và chuyển đổi mục đích sử dụng là 800.000đ/m². Anh H2 đồng ý, theo yêu cầu của H ngày 06/6/2022, tại nhà bà Y, H đã nhận của bà Y 120.000.000đ, ngày 14/6/2022 anh H2 đã chuyển cho H 40.000.000đ và ngày 15/6/2022 anh H2 chuyển tiếp 170.000.000đ. Đến ngày 27/7/2022 việc thừa kế thửa đất đã xong, Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mang tên hộ ông Nguyễn Văn V đã chuyển đổi sang tên cho bà Nguyễn Thị Y. Sau đó H đã thông báo cho bà Y, anh H2 biết việc thừa kế đã xong. Nhưng H không làm thủ tục gì để tách thửa, chuyển đổi mục đích sử dụng đất vườn sang đất ở cho bà Y, anh H2. Nhiều lần anh H2 điện thoại hỏi thì H vẫn nói dối là đang làm. H đã chiếm đoạt số tiền của anh H2 và bà Y đã đưa cho H tổng cộng là 330.000.000đ. Đến tháng 11/2022 bà Y và anh H2 không liên lạc được với H.

Về trách nhiệm dân sự: Ngô Văn H đã trả cho bà Y 120.000.000đ, trả cho anh H2 40.000.000đ, tác động gia đình trả cho bà S 30.000.000đ.

Bà S, anh Đ, anh H2 yêu cầu H trả lại số tiền đã chiếm đoạt chưa trả gồm: bà S 60.000.000đ; chị D 500.000.000đ, anh H2 170.000.000đ,

Bà Y không yêu cầu H phải hoàn trả gì thêm, xin giảm nhẹ hình phạt cho Ngô Văn H.

Tại bản Cáo trạng số 5222/CT-VKSQN-P2 ngày 02/10/2024 của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Ninh đã truy tố bị cáo Ngô Văn H về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” theo điểm a, khoản 4, Điều 174 Bộ luật Hình sự.

Tại Bản án hình sự sơ thẩm số 123/2024/HS-ST ngày 13 tháng 11 năm 2024 của Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Ninh đã quyết định: Tuyên bố bị cáo Ngô Văn H đã phạm tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”.

Căn cứ điểm a, khoản 4, Điều 174 điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 điều 52 Bộ luật Hình sự. Xử phạt bị cáo Ngô Văn H 12 năm 6 tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 12/4/2023.

Căn cứ điều 48 BLHS. Điều 357, Điều 468 Bộ luật Dân sự: Buộc bị cáo Ngô Văn H phải trả lại tiền cho những người bị hại như sau: Bà Đỗ Thị S 60.000.000đ,

chị Nguyễn Thị Bích D 500.000.000đ, anh Nguyễn Văn H2 170.000.000đ. Tổng cộng: 730.000.000đồng.

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357; Điều 468 Bộ luật dân sự 2015. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án Dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án Dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án Dân sự.

Căn cứ khoản 3 Điều 326 Bộ luật Tố tụng hình sự, điều 106 Luật đất đai năm 2013. Điều 152 Luật đất đai năm 2024. Kiến nghị UBND thị xã Q thu hồi Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số DE 603042 (số vào sổ CH09177) cấp ngày 15/11/2022 cho chị Nguyễn Thị Bích D. Trả lại Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CS 115622 (số vào sổ CH04366) cấp ngày 31/7/2019 hoặc cấp lại Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất cho bà Đỗ Thị S.

Ngoài ra, Tòa án cấp sơ thẩm còn quyết định về án phí và thông báo quyền kháng cáo theo quy định pháp luật.

Ngày 28/11/2024, bị hại chị Nguyễn Thị Bích D và người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Văn Đ đều có đơn kháng cáo đề nghị cấp phúc thẩm hủy bản án sơ thẩm để điều tra lại.

Tại phiên tòa phúc thẩm: Người đại diện theo ủy quyền của bị hại Nguyễn Thị Bích D và người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Văn Đ vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo.

Người đại diện theo ủy quyền của bị hại Nguyễn Thị Bích D, đồng thời là người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Văn Đ; người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của chị D và ông Đ đề nghị: Trong giai đoạn điều tra chưa thu hồi vật chứng, không xác minh điều tra làm rõ những người nhận tiền để thu hồi lại tài sản cho bị hại, theo quy định tại điểm b khoản 2, điểm b khoản 3 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự; khoản 2 Điều 47 Bộ luật Hình sự; cấp sơ thẩm nhận định Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất ngày 05/5/2022 giữa bị cáo với chị D vô hiệu và chị D không có quyền sử dụng đối với thửa đất số 529, tờ bản đồ số 41 là không đúng và gây thiệt hại về tài sản cho chị D; chưa xem xét yếu tố ngay tình trong giao dịch chuyển nhượng của chị D là thiếu sót; chưa xem xét mức độ lỗi và trách nhiệm liên đới của Văn phòng C1 khi xác định hợp đồng chuyển nhượng là vô hiệu. Đề nghị Hội đồng xét xử: Hủy một phần bản án sơ thẩm để điều tra lại, do việc điều tra ở cấp sơ thẩm không đầy đủ mà cấp phúc thẩm không thể bổ sung được và có vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng trong giai đoạn điều

tra, để bảo đảm quyền và lợi ích hợp pháp của chị Nguyễn Thị Bích D trong vụ án này.

Bị cáo và Luật sư bào chữa cho bị cáo trình bày: Bản thân bị hại chỉ kháng cáo về phần trách nhiệm dân sự, bị cáo không kháng cáo nên đề nghị giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội sau khi phân tích các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, đánh giá tính chất, mức độ, hậu quả hành vi phạm tội của bị cáo; xem xét nhân thân, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, quyết định của Tòa án cấp sơ thẩm và căn cứ kháng cáo của bị hại và người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan kết luận: Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 355, 356 Bộ luật tố tụng Hình sự: Không chấp nhận kháng cáo của ông Đ, chị D; giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]. Về hành vi, quyết định tố tụng:

[1.1]. Cơ quan tiến hành tố tụng cấp sơ thẩm thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự.

[1.2]. Đơn kháng cáo của bị hại Nguyễn Thị Bích D và người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Văn Đ trong thời hạn luật định, được xem xét theo trình tự phúc thẩm.

[2] Về tội danh:

Căn cứ lời khai của bị cáo trong quá trình điều tra và tại phiên tòa, lời khai của bị hại; căn cứ vào vật chứng thu giữ, kết luận giám định, kết quả xác minh số tiền chuyển qua tài khoản, giấy nhận tiền, hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng nhà đất và một số chứng cứ khác. Hội đồng xét xử có căn cứ kết luận: Trong khoảng thời gian từ tháng 4/2022 đến tháng 6/2022, tại thị xã Q, tỉnh Quảng Ninh, do cần tiền chi tiêu cá nhân và trả nợ, Ngô Văn H đã đưa ra các thông tin không đúng sự thật là H có mối quan hệ quen biết những người có quyền hạn có thể làm được các thủ tục nhận thừa kế quyền sử dụng đất, chuyển đổi mục đích sử dụng đất, tách thửa đất, H được ủy quyền bán đất, để các bị hại tin là thật đưa tiền cho H để nhờ làm các thủ tục nêu trên và mua thửa đất số 529 mà H không được chủ sử dụng (bà S) ủy quyền cho H bán. H đã chiếm đoạt của các bị hại tổng cộng là 920.000.000đ (trong đó của bà Đỗ Thị S 90.000.000đ, Nguyễn Thị Bích D 500.000.000đ, anh Nguyễn Văn H2 210.000.000đ, bà Nguyễn Thị Y 120.000.000đ). Đến nay H đã trả và tác động gia đình trả cho các bị hại tổng cộng là 190.000.000đ, (trong đó trả bà S 30.000.000đ, trả anh H2 40.000.000đ, trả bà Y 120.000.000đ.).

Tòa án cấp sơ thẩm đã căn cứ vào quy định của Bộ luật Hình sự, cân nhắc tính chất và mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội, nhân thân của bị cáo, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự; quyết định xử phạt bị cáo Ngô

Văn H 12 năm 6 tháng tù, về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” và buộc bị cáo Ngô Văn H phải trả lại tiền cho những các bị hại là đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

[3] Xét kháng cáo của ông Đ, chị D, thấy rằng:

[3.1] Đối với kháng cáo về việc Cơ quan điều tra xác minh điều tra làm rõ sau khi nhận tiền của ông Đ, H đã chuyển tiền cho những ai để thu hồi lại tài sản cho bị hại. Căn cứ vào Kết luận điều tra: Sau khi H ký hợp đồng chuyển nhượng thửa đất số 529 với chị D, thì ông Đ đã chuyển 02 lần tiền vào tài khoản ngân hàng của H tổng cộng là 480.000.000 đồng và 02 lần đưa tiền mặt tổng cộng 20.000.000 đồng cho H; số tiền này là của chị D chuyển cho ông Đ để giao cho H. Tổng cộng H đã chiếm đoạt của chị D 500.000.000đ. Số tiền chiếm đoạt bị cáo H rút tiền mặt chi tiêu cá nhân và trả nợ hiện không nhớ trả cho ai. Bản án sơ thẩm xử buộc H phải trả lại cho chị D 500 triệu đồng là đúng pháp luật.

[3.1] Đối với kháng cáo đề nghị công bố hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất giữa Ngô Văn H với chị D có hiệu lực pháp luật vì chị D là người thứ 3 ngay tình, Hội đồng xét xử thấy: Ngày 04/5/2022, H đến nhà bà S chở bà S đến Văn phòng C1 làm hợp đồng ủy quyền, nội dung: Bà S ủy quyền cho H thay bà S quản lý, sử dụng, chuyển nhượng thửa đất số 529, nhưng thực chất mục đích ủy quyền là để H thay bà S làm thủ tục chuyển đổi mục đích sử dụng và thế chấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất vay tiền Ngân hàng cho bà S, chứ không phải ủy quyền để chuyển nhượng (bán) thửa đất này. H đã lợi dụng nội dung ủy quyền trên, thông qua ông Đ (bố chị D). H đã mang giấy chứng nhận quyền sử dụng thửa đất 529 kèm theo hợp đồng ủy quyền đến bán thửa đất số 529 cho chị D. Ngày 05/5/2022 tại Văn phòng C2 (Uông bí, Quảng Ninh) bị cáo H đã có hành vi lừa dối khi ký hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng thửa đất trên cho chị D. Căn cứ theo Điều 3, Điều 127 và Điều 131 Bộ luật Dân sự, Luật Đất đai và Điều 5 của hợp đồng thì hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất giữa chị D và bị cáo H là vô hiệu nên chị D không có quyền sử dụng thửa đất này. Do đó, kháng cáo của chị D và ông Đ không có căn cứ, nên không được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[4] Quan điểm của Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử có căn cứ, được chấp nhận. Quan điểm của Luật sư bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của ông Đ và chị D không có cơ sở chấp nhận.

[5] Về án phí: Bị hại chị Nguyễn Thị Bích D và người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Văn Đ kháng cáo không được chấp nhận nên phải nộp án phí hình sự phúc thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 355; Điều 356 của Bộ luật Tố tụng hình sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án;

QUYẾT ĐỊNH:

1. Không chấp nhận kháng cáo của bị hại chị Nguyễn Thị Bích D và người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Văn Đ. Giữ nguyên Bản án hình sự sơ thẩm số 123/2024/HS-ST ngày 13 tháng 11 năm 2024 của Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Ninh.

Tuyên bố bị cáo Ngô Văn H phạm tội: “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”.

Căn cứ điểm a, khoản 4, Điều 174; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 điều 52 Bộ luật Hình sự.

Xử phạt bị cáo **Ngô Văn H**: 12 (mười hai) năm 06 (sáu) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 12/4/2023.

Căn cứ điều 48 Bộ luật Hình sự; Điều 357, Điều 468 Bộ luật Dân sự: Buộc bị cáo Ngô Văn H phải trả lại tiền cho các bị hại sau: Bà Đỗ Thị S 60.000.000 đồng, chị Nguyễn Thị Bích D 500.000.000 đồng, anh Nguyễn Văn H2 170.000.000 đồng. Tổng cộng: 730.000.000 đồng.

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357; Điều 468 Bộ luật dân sự 2015. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án Dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án Dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án Dân sự.

Căn cứ khoản 3 Điều 326 Bộ luật Tố tụng hình sự, Điều 106 Luật đất đai năm 2013; Điều 152 Luật đất đai năm 2024: Kiến nghị Ủy ban nhân dân thị xã Q thu hồi Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số DE 603042 (số vào sổ CH09177) cấp ngày 15/11/2022 cho chị Nguyễn Thị Bích D. Trả lại Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CS 115622 (số vào sổ CH04366) cấp ngày 31/7/2019 hoặc cấp lại Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất cho bà Đỗ Thị S.

2. Về án phí: Bị hại chị Nguyễn Thị Bích D và người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Văn Đ mỗi người phải chịu 300.000đ án phí dân sự phúc thẩm.

3. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- Vụ I - TANDTC;
- VKSND cấp cao tại Hà Nội;
- TAND tỉnh Quảng Ninh;
- Công an tỉnh Quảng Ninh;
- Cục THADS tỉnh Quảng Ninh;
- Trại tạm giam CA tỉnh Quảng Ninh;
- Bị cáo (qua TTG - 02 bản);
- Bị hại và người liên quan (theo đ/c);
- Lưu HSVA; P.HCTP./.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phạm Việt Hà